

Số: 69 /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ

BỘ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26/02/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

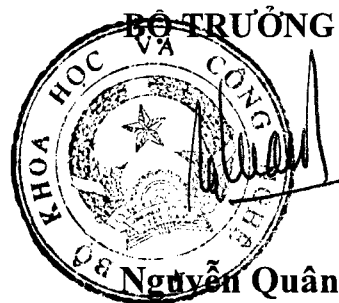
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 14/2004/QĐ-BKHCN ngày 25/6/2004 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Vụ TCCB.





ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 69 /QĐ-BKHCN ngày 15/01/2014
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Chương I

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 1. Vị trí, chức năng

Cục Sở hữu trí tuệ là cơ quan trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, có chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thống nhất quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; trực tiếp quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện các hoạt động sự nghiệp về sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

Cục Sở hữu trí tuệ có tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: National Office of Intellectual Property of Vietnam (viết tắt là NOIP).

Cục Sở hữu trí tuệ có tư cách pháp nhân, là đơn vị dự toán ngân sách cấp II, có con dấu, tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng để hoạt động và giao dịch theo quy định của pháp luật.

Cục Sở hữu trí tuệ có trụ sở chính đặt tại 386, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội; có văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Dự thảo các văn bản pháp luật, các cơ chế, chính sách chung về sở hữu trí tuệ;

b) Dự thảo chương trình, đề án chung về sở hữu trí tuệ, các biện pháp phối hợp giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ;

c) Dự thảo chiến lược phát triển, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm, hằng năm, chương trình, đề án, dự án về sở hữu công nghiệp.

2. Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án quy định tại khoản 1, Điều này sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc ban hành.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao kiến thức pháp luật về sở hữu trí tuệ.

4. Ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, văn bản nội bộ, văn bản cá biệt khác thuộc phạm vi quản lý của Cục.

5. Tổ chức thực hiện xác lập quyền sở hữu công nghiệp, đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp và thực hiện các thủ tục khác liên quan đến Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện theo thẩm quyền hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan thi hành các biện pháp bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

7. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho các cơ quan quản lý, tổ chức và cá nhân hoạt động trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

8. Quản lý hoạt động đại diện sở hữu công nghiệp và hoạt động giám định sở hữu công nghiệp trên phạm vi cả nước:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với hoạt động đại diện sở hữu công nghiệp, hoạt động giám định sở hữu công nghiệp.

b) Tổ chức kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp, nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp; cấp và thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, Thẻ Giám định viên sở hữu công nghiệp;

c) Ghi nhận và xóa tên tổ chức kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp.

9. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến xác lập quyền sở hữu công nghiệp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các biện pháp để triển khai việc quản lý và hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động sáng kiến trong phạm vi cả nước theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện hợp tác quốc tế về sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật; xây dựng, tham gia đàm phán để ký kết gia nhập và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế chung về sở hữu trí tuệ; đề xuất xử lý các vấn đề tranh chấp quốc gia liên quan đến sở hữu trí tuệ.

12. Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu thông tin sở hữu công nghiệp, xây dựng công cụ tra cứu, hướng dẫn tra cứu và sử dụng thông tin sở hữu công nghiệp; bảo đảm khả năng tiếp cận các kho thông tin cho các đối tượng có nhu cầu dùng tin; tổ chức việc cung ứng đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin sở hữu công nghiệp phục vụ công tác quản lý nhà nước và các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và sản xuất, kinh doanh; công bố các thông tin liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp được bảo hộ tại Việt Nam.

13. Tư vấn về xác lập, bảo vệ, quản lý và phát triển giá trị quyền sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật; hỗ trợ việc áp dụng và chuyển giao sáng chế nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất và kinh doanh.

14. Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động và việc chấp hành các quy định pháp luật của các hội trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp theo phân công của Bộ trưởng; đề xuất biện pháp xử lý các vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tổ chức lấy ý kiến của hội để hoàn thiện các quy định của pháp luật và phát triển hoạt động sở hữu trí tuệ.

15. Trong phạm vi được uỷ quyền, tham gia giải quyết các tranh chấp về sở hữu công nghiệp và tranh chấp thương mại liên quan đến sở hữu công nghiệp; cung cấp ý kiến chuyên môn phục vụ việc giải quyết các tranh chấp, vi phạm pháp luật về sở hữu công nghiệp.

16. Tổ chức nghiên cứu khoa học, thống kê về sở hữu công nghiệp.

17. Tổng hợp, đánh giá, báo cáo Bộ trưởng để báo cáo Chính phủ về tình hình hoạt động bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, đề xuất các chính sách, biện pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống sở hữu trí tuệ và bảo đảm thống nhất quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

18. Quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình đầu tư phát triển chung về sở hữu trí tuệ và các dự án đầu tư thuộc Cục Sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

19. Quản lý việc thu phí, lệ phí và các khoản thu dịch vụ khác trong hoạt động sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

20. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính phù hợp với chương trình, kế hoạch cải cách hành chính nhà nước của Bộ.

21. Quản lý về tổ chức, biên chế, công chức, viên chức, người lao động và tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu của Cục theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Khoa học và Công nghệ.

22. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao.

Chương II

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 3. Lãnh đạo Cục

1. Lãnh đạo Cục Sở hữu trí tuệ có Cục trưởng và các Phó Cục trưởng.
2. Cục trưởng do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ nhiệm, miễn nhiệm và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ.
3. Các Phó Cục trưởng do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ nhiệm theo đề nghị của Cục trưởng, có trách nhiệm giúp Cục trưởng trong việc lãnh đạo chung của Cục, chịu trách nhiệm trước Cục trưởng và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công, được quyền quyết định những vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao.
4. Khi Cục trưởng vắng mặt, một Phó Cục trưởng được ủy quyền điều hành hoạt động của Cục.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Phòng Đăng ký;
2. Phòng Pháp chế và Chính sách;
3. Phòng Thực thi và Giải quyết khiếu nại;
4. Phòng Hợp tác quốc tế;
5. Phòng Quản lý và Phát triển hoạt động sáng tạo;
6. Phòng Kế hoạch - Tài chính;
7. Phòng Tổ chức cán bộ;
8. Phòng Thông tin;
9. Phòng Sáng chế số 1;
10. Phòng Sáng chế số 2;
11. Phòng Sáng chế số 3;
12. Phòng Kiểu dáng công nghiệp;
13. Phòng Nhãn hiệu số 1;
14. Phòng Nhãn hiệu số 2;
15. Phòng Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế;
16. Văn phòng Cục;
17. Văn phòng Đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh;
18. Văn phòng Đại diện tại thành phố Đà Nẵng;
19. Trung tâm Công nghệ thông tin;

20. Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo;

21. Trung tâm Phát triển tài sản trí tuệ.

Văn phòng Cục, Văn phòng Đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh, Văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng là đơn vị dự toán ngân sách cấp III.

Trung tâm Phát triển tài sản trí tuệ, Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo, Trung tâm Công nghệ thông tin là đơn vị dự toán ngân sách cấp III, có tư cách pháp nhân, có con dấu và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng để hoạt động.

Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc Cục; chỉ đạo các Trung tâm xây dựng Đề án tổ chức và hoạt động trình Bộ trưởng xem xét, phê duyệt theo quy định của pháp luật đối với đơn vị dự toán cấp III.

Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức cấp trưởng, cấp phó các đơn vị trực thuộc Cục theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Bộ và quy định của pháp luật.

Điều 5. Nhân lực

1. Công chức, viên chức;
2. Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động;
3. Cộng tác viên.

Điều 6. Chế độ làm việc

1. Cục Sở hữu trí tuệ được tổ chức và hoạt động theo chế độ thủ trưởng, kết hợp với bàn bạc tập thể.
2. Cục Sở hữu trí tuệ thực hiện chế độ làm việc, quan hệ công tác với các đơn vị thuộc Bộ theo quy chế làm việc của Bộ và các quy định khác có liên quan.
3. Cục Sở hữu trí tuệ có trách nhiệm quan hệ với các cơ quan liên quan của các Bộ, ngành, địa phương theo quy định của pháp luật trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chương III

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

Điều 7. Nguồn thu

1. Nguồn thu từ ngân sách nhà nước cấp;
2. Nguồn thu từ phí và lệ phí được để lại theo quy định của pháp luật;
3. Nguồn thu từ các hoạt động sự nghiệp, dịch vụ có liên quan;
4. Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Các khoản chi

1. Chi hoạt động thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao;
2. Chi hoạt động sự nghiệp, hoạt động cung ứng dịch vụ;
3. Chi thuê lao động;
4. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Quản lý tài chính, tài sản

Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ có trách nhiệm quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn tài chính, tài sản của Cục; thực hiện nghĩa vụ tài chính và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật; xây dựng và thực hiện chế độ tài chính nội bộ của Cục theo quy định của pháp luật.

Chương IV

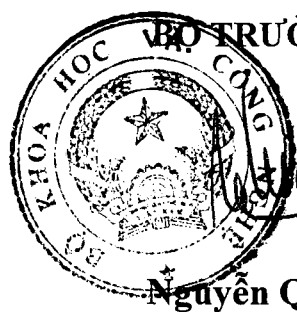
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.
2. Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ tổ chức thực hiện Điều lệ này.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ đề nghị Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định./.


BỘ TRƯỞNG
Nguyễn Quân